BÀI TẬP HÓA HOC 8

Phiếu bài tập bài 18- Mol

Họ và tên……Lớp……

Câu 1: Số Avogađro (N) có giá trị là

A. 6.10^{22}. **B.** 6.10^{23}. **C.** 6.10^{24}. **D.** 6.10^{25}.

Câu 2: Mol là lượng chất chứa bao nhiêu hạt vi mô (nguyên tử, phân tử)?

A. 3.10^{6}. **B.** 6.10^{23}. **C.** 6.10^{22}. **D.** $7,5.10^{23}$.

Câu 3: Điều kiện chuẩn (đktc) là:

A. 20°C; 1atm. **B.** 0°C; 1atm.

C. 1°C; 0 atm. **D.** 0°C; 2 atm.

Câu 4: Ở điều kiện tiêu chuẩn, 1 mol của bất kì chất khí nào đều chiếm một thể tích là

A. 11,2 lít. **B.** 22,4 lít. **C.** 24,2 lít. **D.** 42,4 lít.

Câu 5: Khối lượng mol của một chất là khối lượng của bao nhiêu nguyên tử hoặc phân tử?

A. 6.10^{22}. **B.** 6.10^{23}. **C.** 6.10^{24}. **D.** 6.10^{25}.

Câu 6: Thể tích mol của chất khí là thể tích chiếm bởi bao nhiêu phân tử?

A. 6.10^{22}. **B.** 6.10^{23}. **C.** 6.10^{24}. **D.** 6.10^{25}.

Câu 7: Trong 1 mol $AlCl_3$ có chứa bao nhiêu phân tử $AlCl_3$?

A. 18.10^{23}. **B.** 9.10^{23}. **C.** 12.10^{23}. **D.** 6.10^{23}.

Câu 8: Trong 1 mol H_2O có chứa bao nhiêu nguyên tử oxi?

A. 3.10^{6}. **B.** 9.10^{23}. **C.** 12.10^{23}. **D.** 6.10^{23}.

Câu 9: 1 mol nguyên tử nhôm có chứa bao nhiêu nguyên tử nhôm?

A. 56. **B.** 3.10^{23}. **C.** 9.10^{23}. **D.** 6.10^{23}.

Câu 10: Ở điều kiện tiêu chuẩn, 22,4 lít khí H_2 chứa bao nhiêu phân tử?

A. 3.10^{6}. **B.** 9.10^{23}. **C.** 12.10^{23}. **D.** 6.10^{23}.

Câu 11: Trong 1 mol H_2O có chứa bao nhiêu nguyên tử hiđro?

A. 3.10^{6}. **B.** 9.10^{23}. **C.** 12.10^{23}. **D.** 6.10^{23}.

Câu 12: Trong 1 mol $FeCl_3$ có chứa bao nhiêu nguyên tử clo?

A. 18.10^{23}. **B.** 9.10^{23}. **C.** 12.10^{23}. **D.** 6.10^{23}.

Câu 13: 0,75 mol nguyên tử sắt có chứa bao nhiêu nguyên tử sắt?

A. 56. **B.** $4,5.10^{23}$. **C.** 9.10^{23}. **D.** 6.10^{23}.

Câu 14: 0,25 mol phân tử nước có chứa bao nhiêu phân tử nước?

A. $1,5.10^{23}$. **B.** $4,5.10^{23}$. **C.** 12. **D.** 6.10^{23}.

Câu 15: Có bao nhiêu mol phân tử oxi có trong $1,5.10^{24}$ phân tử oxi?

A. 2 mol. **B.** 3 mol. **C.** 2,5 mol. **D.** 3,5 mol.

Câu 16: Phải cần bao nhiêu mol nguyên tử C để có $2,4.10^{23}$ nguyên tử C?

A. 0,5 mol. **B.** 0,55 mol. **C.** 0,4 mol. **D.** 0,45 mol.

Câu 17: Phải lấy bao nhiêu mol phân tử CO_2 để có $1,5.10^{23}$ phân tử CO_2?

A. 0,20 mol. **B.** 0,25 mol. **C.** 0,30 mol. **D.** 0,35 mol.

Câu 18: Số nguyên tử H có trong 1,8 gam H_2O là

A. $0,2989.10^{23}$. **B.** $0,3011.10^{23}$.

C. $1,2044.10^{23}$. **D.** $10,8396.10^{23}$.

Câu 19: Một chiếc ca nhôm nặng 54 gam. Số nguyên tử Al trong chiếc ca là

A. 6.10^{23}. **B.** 15.10^{23}. **C.** 12.10^{23}. **D.** 12.10^{24}.

LIVEWORKSHEETS

Câu 20: Trong 24 gam MgO có bao nhiêu phân tử MgO?

A. $2,6.10^{23}$. **B.** $3,6.10^{23}$. **C.** $3,0.10^{23}$. **D.** $4,2.10^{23}$.

Câu 21: Hãy cho biết $3,01.10^{24}$ phân tử oxi nặng bao nhiêu gam? (lấy $N_A = 6,02.10^{23}$)

A. 120 gam. **B.** 140 gam. **C.** 160 gam. **D.** 150 gam.

Câu 22: Số nguyên tử sắt có trong 280 gam sắt là

A. $20,1.10^{23}$. **B.** $25,1.10^{23}$. **C.** 30.10^{23}. **D.** $35,1.10^{23}$.

Câu 23: Số phân tử H_2O có trong một giọt nước (0,05 gam) là

A. $1,7.10^{23}$. **B.** $1,7.10^{22}$. **C.** $1,7.10^{21}$. **D.** $1,7.10^{20}$.

Câu 24: Tổng số nguyên tử các nguyên tố trong 4,5 ml H_2O (D = 1 gam/ml) là

A. 3.10^{23}. **B.** $1,5.10^{23}$. **C.** $4,5.10^{23}$. **D.** 6.10^{23}.

Câu 25: Khối lượng hiđro trong trường hợp nào sau đây là nhỏ nhất?

A. 6.10^{23} phân tử H_2. **B.** 0,6 gam CH_4.

C. 3.10^{23} phân tử H_2O. **D.** 1,50 gam NH_4Cl.

LIVEWORKSHEETS